TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HSST
Ngày 01-12-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Lâm Tới và ông Hoàng Minh Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T *(tên gọi khác: T Kiểm)*, sinh năm 1989 tại tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Duy K và bà Dương Thị Th; Có vợ là Vũ Thị Tr và 02 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2010/HS-ST ngày 30/6/2010 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" cho hưởng án treo; bản án hình sự sơ thẩm số 19/2011/HS-ST ngày 04/5/2011 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; nhân thân: bản án số 35/2017/HSST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 42/2017/HSST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 03 năm tù về tội "Trộ cắp tài sản"; bản án hình sự phúc thẩm số 339/2017/HSPT ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đăk Nông trong vụ án khác. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Th *(tên gọi khác: Th Sẹt),* sinh năm 1991 tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn M, xã N, thị xã P, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Lưu Thị Kiều T và 01 con sinh năm 2015; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2009/HS-PT ngày 01/4/2009 của TAND tỉnh Đăk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bản án hình sự sơ thẩm số 18/2011/HSST ngày 04/5/2011 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; nhân thân: bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 42/2017/HSST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 03 năm 06 thánh tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đăk Nông trong vụ án khác. Có mặt.

3. Phan Tiến D *(tên gọi khác: D Thu),* sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ M, phường N, thị P, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; Con ông Phan Văn Th và bà Hoàng Thị H; Có vợ là Lê Thị Thảo Nh và 02 con, con lớn sinh năm 2015 con nhỏ sinh năm 2017; nhân thân: bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đăk Nông trong vụ án khác. Có mặt.

4. Hồ Vĩnh S *(tên gọi khác: S Nga),* sinh năm 1991 tại tỉnh Đăk Lăk (Nay là tỉnh Đăk Nông); Nơi cư trú: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; Con bà Hồ Thị Ng và chưa xác định được bố đẻ; Có vợ là Huỳnh Thị Hải D và 01 con sinh năm 2016; nhân thân: bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 42/2017/HSST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù

về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đăk Nông trong vụ án khác. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh **Trần Văn H,** sinh năm 1967, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

2. Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1961, có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn M1, xã N1, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

Chỗ ở: Bon M, xã N2, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Phan Văn Ch**, sinh năm 1985, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã N2, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

2. Anh **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1973, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Phan Văn N**, sinh năm 1990, có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn M1, xã N1, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

Chỗ ở: Bon M, xã N1, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

2. Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1997, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 05/6/2014, Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D đến phòng trọ của Hồ Vĩnh S và Nguyễn Thanh T phía sau chợ thị trấn M, huyện N, tỉnh Đăk Nông chơi. Tại đây, các đối tượng rủ nhau đi trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài, thì tất cả đồng ý, đồng thời thống nhất chạy xe mô tô lên địa bàn huyện N1 tìm nhà dân nào không có người ở nhà sẽ đột nhập vào để lấy tài sản. S lấy xe mô tô nhãn hiệu ECES (không rõ biển kiểm soát) của S chở T đi trước. D chở Th bằng xe mô tô hiệu YAMAHA - EXCITER màu xanh trắng (không rõ biển kiểm soát) của D đi phía sau. Lúc này, trong cốp xe của S đã có sẵn các công cụ phá khóa gồm: 01 chiếc đục bằng kim loại dài khoảng 20 cm, có 01 đầu dẹt, 01 đầu tù, đường kính khoảng 02 đến 03 cm; 01 kìm chết dài khoảng 20 cm, bằng kim loại; 01 tuốc nơ vít dài khoảng 20 cm, đầu dẹt, có cán bằng nhựa dài khoảng 05 đến 07cm. Tất cả điều khiển xe đi từ huyện N theo Quốc lộ 14 về huyện P1. Sau khi chạy đến ngã ba đồn M, thuộc Thuận Tân, xã M, huyện P1, tỉnh Đăk Nông thì rẽ vào đoạn đường bên phải đi vào hướng trung tâm xã M. T, S, D và Th điều khiển xe đi lòng vòng qua các đoạn đường trong xã để tìm những nhà dân sơ hở, không có người ở nhà. Khi đi đến thôn M, xã N, huyện P1, tỉnh Đăk Nông tất cả phát hiện thấy nhà anh

Trần Văn H, sinh năm 1967 không có người ở nhà, nhà khóa cửa, xung quanh nhà dân ở thưa thớt nên thống nhất đột nhập vào nhà anh H để trộm cắp tài sản. Tất cả chạy xe đi theo con đường đất bên hông nhà ra phía sau rồi dừng xe giấu vào trong vườn bắp (ngô) nhà anh H. D và Th đứng ngoài cảnh giới, còn T và S mang theo công cụ, leo qua hàng rào thép B40 rồi vào trong khuôn viên nhà anh H. Quan sát thấy cửa thông gió bằng kính có kích thước 50cm x 60cm ở phía hông nhà bếp có thể chui vào được nên S đã dùng tuốc nơ vít tháo kính thông gió rồi dùng kìm chết bẻ song sắt cửa thông gió chui vào trong nhà. S leo chân không vào trong gian bếp, rồi đi ra cửa phía sau mở chốt cửa cho T vào. S và T đi từ phía nhà bếp lên qua 02 phòng ngủ không khóa (S và T bỏ qua hai phòng ngủ này vi nghĩ không có tài sản) rồi tới phòng ngủ thứ ba có khóa cửa. S lấy ghế (đôn) trong phòng khách của nhà anh H ra đặt sát cánh cửa phòng ngủ rồi đứng lên dùng mỏ lết, tuốc nơ vít mang theo cạy ô cửa thông gió bên trên cánh cửa phòng ngủ, tháo xuống đặt dưới nền nhà rồi leo qua lỗ thông gió vào phòng ngủ, mở cửa phòng ngủ cho T vào. Sau khi mở cửa phòng, thấy trong phòng có két sắt, S và T lật chiếc két sắt cho phần cửa két sắt ngửa lên trên, rồi dùng chiếc đục sắt mang theo cạy cửa két sắt, T đứng ngay cửa ra vào phòng ngủ cảnh giới cho S cạy két. Khoảng 10 phút sau, S mở được cửa két sắt. Thấy trong két có ngăn kéo nhỏ phía trên bị khóa. S tiếp tục dùng đục, tuốc nơ vút, mỏ lết cạy ngăn kéo nhỏ này ra thì thấy bên trong có 01 túi nilon chứa khoảng 04 đến 05 cọc tiền các loại, S lấy túi nilon đựng tiền bỏ vào túi áo khoác của mình rồi cùng T đi xuống phòng bếp ra ngoài bằng cửa sau, sau đó cùng Th và D đi về. Trên đường về, tất cả rẽ vào con đường đất rồi đi vào lô đất trồng cây cao su . Tại đây S lấy túi tiền ra đếm chia đều cho tất cả mỗi người được số tiền từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Song đã trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đăk Nông khám nghiệm hiện trường. Quá trình khám nghiệm đã thu giữ được 01 dấu vết đường vân chân trên mặt kệ bếp của nhà anh Trần Văn H. Tại bản thông báo kết luận giám định số 21/GDĐV - PC 54 ngày 15/6/2017 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đăk Nông kết luận: dấu vết đường vân chân thu giữ được tại hiện trường nhà anh Trần Văn H trùng khớp với dấu vết đường vân chân của Hồ Vĩnh S.

Đối với tài sản bị chiếm đoạt, theo anh Trần Văn H trình bày tài sản bị trộm cắp gồm 51.000.000 đồng (năm mươi mốt triệu đồng) và 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng để trong két sắt. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận không nhớ rõ cụ thể số tiền đã trộm cắp được, chỉ nhớ khi chia nhau thì mỗi đối tượng được số tiền khoảng từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Riêng chiếc nhẫn vàng như anh H trình bày các bị cáo không thừa nhận chiếm đoạt chiếc nhẫn nói trên. Sau khi tiến hành điều tra theo yêu cầu điều tra bổ sung của TAND huyện Đăk Song thì người bị hại anh Trần Văn H khai: số tiền anh bị chiếm đoạt là 41.000.000đ, do trước đó nhớ nhầm nên đã khai báo là bị chiếm đoạt 51.000.000đ. Do đó, có căn cứ xác định các bị cáo chỉ chiếm đoạt của người bị hại số tiền 41.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá và biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28/HĐ-ĐG ngày 19/5/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đăk Song kết luận: giá trị chiếc két sắt nhãn hiệu KOREAN của anh Trần Văn H bị làm hư hỏng tại thời điểm ngày 05/6/2014 là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Riêng chiếc nhẫn vàng như anh H trình bày do không xác định hàm lượng vàng của chiếc nhẫn nên hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Đăk Song không xác định được giá trị thiệt hại. Như vậy tổng giá trị thiệt hại về tài sản của gia đình anh Trần Văn H bị các bị cáo chiếm đoạt là 42.200.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo T, Th khai nhận, ngoài việc chiếm đoạt tài sản tại nhà anh H thì còn chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã N, huyện P cụ thể:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 16/6/2015, T gọi điện rủ Th lên thị xã P1 tỉnh Đăk Nông để thăm con của T (con T với vợ cũ đã ly dị) thì Th đồng ý, đồng thời cả hai đi xe mô tô WAVE màu đỏ của Th (không rõ biển kiểm soát) đến nhà T tại tổ M, phường M, thị xã N, tỉnh Đăk Nông. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, cả hai ra về sau đó rủ nhau cùng lên trung tâm huyện P chơi với bạn. Trên đường về, T và Th phát hiện thấy nhà anh Phan Văn H, sinh năm 1961 tại bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông bên trái đường Quốc lộ 14, cách UBND xã N khoảng 200m theo hướng xã N đi thị trấn M, khóa cửa ngoài và khóa cổng. Đoán không có người trong nhà, T và Th rủ nhau đột nhập vào nhà anh H trộm cắp tài sản. Th chở T quay ngược lại rồi rẽ vào con đường đất sát với nhà anh H, sau khi ra phía sau nhà anh H, Th dừng xe, mở cốp lấy bộ công cụ gồm: 01 tuốc nơ vít bằng kim loại, 01 đục bằng kim loại, 01 kìm chết bằng kim loại đưa cho T để T đột nhập vào nhà anh H trộm cắp tài sản. T cầm công cụ rồi đi vào nhà anh H còn Th chạy xe ra trước cách nhà anh H khoảng 40 đến 50 m để cảnh giới. T cầm bộ công cụ đi vào, thấy cửa sau nhà anh H bằng gỗ loại 01 cánh nên dùng tuốc nơ vít cạy theo khe cửa làm chốt cánh cửa bên trong bung ra rồi cửa mở đi vào nhà, T đi qua phòng ăn đến phòng ngủ đầu tiên bên trong có 01 tủ quần áo nên vào lục tìm tài sản, T tháo các ngăn kéo tủ ra đặt lên giường thì thấy bên dưới ngăn kéo ở giữa có 01 cọc tiền đựng trong túi nilon. T lấy bỏ vào túi áo của mình rồi đi ra. Khi quay lại phòng bếp, T thấy trên bàn có 01 máy tính xách tay hiệu SONY-VAIO màu trắng bạc nên lấy luôn rồi mang ra ngoài. Thấy T ra, Th chạy xe lại đón T rồi cả hai quay về thị xã N, trên đường về Th rẽ vào đồi thông bên phải đường QL14 chia số tiền mới trộm cắp được trong nhà anh H. Tại đây, T lấy túi nilon đựng tiền ra đếm được 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chia đều cho mỗi người được 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), riêng máy tính xách tay, T cho Th sử dụng .

Đối với số tài sản bị mất, anh Phan Văn H trình báo số tiền bị mất là 30.000.000 đồng và 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu SONY-VAIO, màu trắng bạc. Các bị cáo T và Th khai nhận chỉ chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng và 01 máy tính xách tay. Cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Song đã tiến hành đối chất giữa anh H và bị can T (đối tượng trực tiếp trộm cắp) nhưng không làm rõ được nên không có cơ sở để khẳng định số tiền anh H bị chiếm đoạt là 30.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá và biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28/HĐ-ĐG ngày 19/5/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đăk Song kết luận: giá trị còn lại của chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu SONY - VAIO màu trắng bạc, tính đến ngày 16/6/2015 là 8.5000.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn dồng). Như vậy, tổng giá trị thiệt hại về tài sản của gia đình anh Phan Văn H bị các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Th chiếm đoạt chứng minh được là 23.500.000 đồng.

Đối với số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại Trần Văn H và Phan Văn H hiện đã tiêu xài cá nhân hết nên không thể tịch thu.

Đối với công cụ mà các bị can sử dụng để trộm cắp gồm: 01 chiếc đục bằng kim loại dài 20 cm, 01 đầu bẹt, 01 đầu tù có đường kính 03 cm; 01 chiếc kìm chết bằng kim loại dài 20 cm; 01 chiếc tuốc nơ vít dài 20 cm, đầu dẹt có cán bằng nhựa dài 07 cm. sau khi sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội tại xã Trường Xuân, các bị can tiếp tục sử dụng để trộm cắp trên nhiều địa bàn khác thuộc tỉnh Đăk Nông. Hiện các vật chứng này đã bị cơ quan CSĐT công an tỉnh Đăk Nông (PC 45) tạm giữ, giải quyết trong vụ án khác.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu ECES mà bị cáo S đã dung chở đồng bọn đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác nhận chiếc xe này do S mua lại của một người không rõ địa chỉ. Quá trình mua bán không viết giấy mua bán. Sau một thời gian sử dụng, S bán lại cho Th. Thao sử dụng chiếc xe trên đến khoảng giữa năm 2015 bán lại cho một người ở thành phố P lấy tiền tiêu xài, không biết người mua là ai, không nhớ biển số xe nên cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Song không có cơ sở truy tìm cũng như thông báo truy tìm.

Đối với chiếc xe mô tô WAVE màu đỏ nâu của Th do Th mua lại của người khác, không sang tên đổi chủ để vậy sử dụng. Th không nhớ rõ người đăng ký sử dụng là ai. Vào đầu năm 2015 Th lên thành phố P đi chơi, sau đó bán lại cho một cửa hàng mua bán xe máy cũ trên địa bàn thành phố P. Hiện Thao không nhớ biểu số xe, tên người đứng chủ sở hữu, không rõ bán cửa hàng nào, biển hiệu gì, nên cơ quan CSĐT công an Đăk Song cũng không có cơ sở truy tìm cũng như thông báo truy tìm

Đối với 01 chiếc máy tính xách tay mà T và Th chiếm đoạt của anh H sau đó cho Th sử dụng. Th mang theo chiếc máy tính xách tay này lên thành phố P, tỉnh Đăk Lăk bán lại cho người khác. Do không thuộc địa bàn nên Th không nhớ rõ đã bán chiếc máy tính ở đâu.

Quá trình điều tra, bị hại anh Trần Văn H có đơn yêu cầu các bị can trong vụ án phải bồi thường cho anh số tiền 57.000.000 đồng và bị hại anh Phan Văn H có đơn yêu cầu các bị cáo trong vụ án phải bồi thường số tiền 47.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Trần Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là 42.200.000đ; anh Phan Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là 23.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 71/CTr-VKS ngày 13/11/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS và truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 138, điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 03 đến 04 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 339/2017/HSPT ngày 16/11/2017 của TAND tỉnh Đăk Lăk và 03 (ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành hình phạt chung từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSPT ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông và 09 (chín) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 20/9/2017 của TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Hồ Vĩnh S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Hồ Vĩnh S phải chấp hành hình phạt chung từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46 xử phạt bị cáo Phan Tiến D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Phan Tiến D phải chấp hành hình phạt chung từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về vật chứng của vụ án: Do không thu giữ nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 BLHS, Điều 584, Điều 589 BLDS 2015, buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Hồ Vĩnh S và Phan Tiến D phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường hợp lý đối với các tài sản chiếm đoạt cho anh Trần Văn H theo quy định và buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường hợp lý đối với các tài sản chiếm đoạt cho anh Phan Văn H theo quy định.

Các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên vào ngày 05/6/2014 lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chủ sở hữu trên địa bàn thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông và Bon M, xã N1, huyện P, tỉnh Đăk Nông các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Hồ Vĩnh S và Phan Tiến D lén lút bí mật đột nhập vào nhà anh Trần Văn H chiếm đoạt tiền và làm hư hỏng két sắt của gia đình anh Trần Văn H với giá trị thiệt hại về tài sản là 42.200.000 đồng; ngoài ra ngày 16/6/2005 các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn Th còn đột nhập vào nhà anh Phan Văn H chiếm đoạt tiền và 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio với giá trị thiệt hại tài sản là 23.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thanh T là người đã tái phạm nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS và hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 138 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

c) Tái phạm nguy hiểm;

...

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS và

truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi đó không những đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đầy đủ nhận thức để biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên đã bí mật lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, HĐXX xét thấy trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Thanh T đã *"Tái phạm"* chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp *"Tái phạm nguy hiểm"* đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS.

Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo T và bị cáo Th trực tiếp tham gia trộm cắp 02 vụ, tài sản mỗi vụ trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Bị cáo Th là người đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T và bị cáo Th sau khi bị bắt đã khai ra hành vi phạm tội trước đó, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Riêng bị cáo D đã tự nguyên đến Chi cục Thi hành án huyện Đăk Song nộp số tiền 3.000.000đ bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS. HĐXX xét thấy cần áp dụng quy định trên để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của Nhà nước ta.

[6]. Đối với công cụ mà các bị can sử dụng để trộm cắp gồm: 01 chiếc đục bằng kim loại dài 20cm, 01 đầu bẹt, 01 đầu tù có đường kính 03 cm; 01 chiếc kìm chết bằng kim loại dài 20 cm; 01 chiếc tuốc nơ vít dài 20 cm, đầu dẹt có cán bằng nhựa dài 07 cm. sau khi sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội tại xã M, các bị can tiếp tục sử dụng để trộm cắp trên nhiều địa bàn khác thuộc tỉnh Đăk Nông. Hiện các vật chứng này đã bị cơ quan CSĐT công an tỉnh Đăk Nông (PC 45) tạm giữ, giải quyết trong vụ án khác nên không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu ECES mà bị can S đã dung chở đồng bọn đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác nhận chiếc xe này do Sơn mua lại của một người không rõ địa chỉ. Quá trình mua bán không viết giấy mua bán. Sau một thời gian sử

dụng, S bán lại cho Th. Th sử dụng chiếc xe trên đến khoảng giữa năm 2015 bán lại cho một người ở thành phố P lấy tiền tiêu xài, không biết người mua là ai, không nhớ biển số xe. Đối với chiếc xe mô tô WAVE màu đỏ nâu của Th do Th mua lại của người khác, không sang tên đổi chủ để vậy sử dụng. Th không nhớ rõ người đăng ký sử dụng là ai. Vào đầu năm 2015 Th lên thành phố P đi chơi, sau đó bán lại cho một cửa hàng mua bán máy cũ trên địa bàn thành phố P. Hiện Th không nhớ biểu số xe, tên người đứng chủ sở hữu, không rõ bán cửa hàng nào, biển hiệu gì nên cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Song không có cơ sở truy tìm cũng như thông báo truy tìm nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 chiếc máy tính xách tay mà T và Th chiếm đoạt của anh H sau đó cho Th sử dụng không thể thu giữ và số tiền các bị can đã chiếm đoạt của những người bị hại Trần Văn H và Phan Văn H hiện đã tiêu xài cá nhân hết nên không thể tịch thu nên không đề cập xử lý.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, bị hại anh Trần Văn H có đơn yêu cầu các bị can trong vụ án phải bồi thường cho anh số tiền 57.000.000 đồng và bị hại anh Phan Văn H có đơn yêu cầu các bị cáo trong vụ án phải bồi thường số tiền 47.000.000 đồng.

Đối với tài sản bị chiếm đoạt, theo anh Trần Văn H trình bày tài sản bị trộm cắp gồm 41.000.000 đồng (năm mươi mốt triệu đồng) và 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng để trong két sắt. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận không nhớ rõ cụ thể số tiền đã trộm cắp được, chỉ nhớ khi chia nhau thì mỗi đối tượng được số tiền khoảng từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Riêng chiếc nhẫn vàng như anh H trình bày các bị cáo không thừa nhận chiếm đoạt chiếc nhẫn nói trên, cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã tiến hành đối chất giữa anh H và bị cáo S nhưng không làm rõ được nên không có căn cứ để cho rằng các bị cáo chiếm đoạt chiếc nhẫn vàng của anh H.

Đối với số tài sản bị mất, anh Phan Văn H trình báo số tiền bị mất là 30.000.000 đồng và 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu SONY -VAIO, màu trắng bạc. Các bị cáo T và Th khai nhận chỉ chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng và 01 máy tính xách tay. Cơ quan CSĐT công an huyện Đăk Song đã tiến hành đối chất giữa anh H và bị cáo T (đối tượng trực tiếp trộm cắp) nhưng không làm rõ được nên không có cơ sở để khẳng định số tiền anh H bị chiếm đoạt là 30.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy, quá trình điều tra chứng minh được anh Trần Văn H thiệt hại tổng số tài sản trị giá 42.200.000 đồng và anh Phan Văn H thiệt hại tổng số tài sản trị giá 23.500.000 đồng. Tại phiên tòa anh Trần Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 42.200.000đ; anh Phan Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 23.500.000đ. Như vậy, HĐXX xét thấy cần buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S phải liên đới bồi thường cho anh Trần Văn

H số tiền 42.200.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Th phải liên đới bồi thường cho anh Phan Văn H số tiền 23.500.000 đồng.

[11]. *Về vật chứng của vụ án:* Quá trình điều tra không thể thu giữ nên không đề cập giải quyết.

[12]. *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (ba) năm tù. Áp dụng khoản 1 ĐIều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 339/2017/HSPT ngày 16/11/2017 của TAND tỉnh Đăk Lăk và 03 (ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 02 (hai) năm tù. Áp dụng khoản 1 ĐIều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSPT ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông và 09 (chín) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 20/9/2017 của TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xử phạt các bị cáo Phan Tiến D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 ĐIều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Phan Tiến D phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xử phạt các bị cáo Hồ Vĩnh S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo Hồ Vĩnh S phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; Điều 584, Điều 589 BLDS 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S phải liên đới bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 42.200.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Hồ Vĩnh S mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 10.550.000 đồng *(Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*; bị cáo Phan Tiến D đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000đ, bị cáo Dũng còn phải bồi thường cho anh H 7.550.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Th phải liên đới bồi thường cho anh Phan Văn H số tiền 23.500.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 11.750.000đ *(Mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 98, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 1.115.000đ *(Một triệu một tram mười năm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Hồ Vĩnh S phải chịu 527.500đ *(Năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo Phan Tiến D phải chịu 377.500 đồng *(Ba tram bảy mươi bảy nghìn năm tram đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng VP27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phong